

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƠN TRẠCH
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 107/2024/HS-ST
Ngày: 20-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hữu Chí.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Kim Xuyên;

2. Ông Hoài Đức Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Đình Linh Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa: Bà Vương Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024, tại Hội trường xét xử A - Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 84/2024/TLST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2024/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/HSST-QĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Võ Đức B (tên gọi khác: không), sinh năm 1990 tại tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú và nơi ở hiện nay: ấp 4, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: Lớp 11/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn T, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1966; Bị cáo có vợ tên Đỗ Thị K, sinh năm 1996 và có 01 con sinh năm 2014; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân tốt.

Bị cáo bị bắt giữ từ ngày 08/10/2023, đến ngày 17/10/2023 bị áp dụng biện pháp tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện N cho đến nay (có mặt).

- Bị hại: Anh Trần Văn H, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: ấp W, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1989;

Nơi cư trú: thôn Q, xã H, huyện T, Thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện nay: Xưởng T, tổ Q ấp X, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2. Anh Phùng Văn K, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: H, T, Thành phố Hà Nội.

3. Anh Nguyễn Quốc Q, sinh năm 1991 (Có mặt)

Nơi cư trú: Xóm V, xã L, huyện H, tỉnh Nghệ An.

Nơi ở hiện nay: O Nguyễn C, phường A, Thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Anh Phan Quốc H, sinh năm 1985 (Có mặt).

Nơi cư trú: 5/1C khu phố W, phường Q, Thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Ngân Xuân H, sinh năm 1971;

2. Anh Huỳnh Tấn L, sinh năm 1993;

3. Ang Nguyễn Văn P, sinh năm 1941.

(Anh M, anh K, ông H, anh P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2020, Võ Đức B làm thuê tại kho vật liệu xây dựng P, thuộc ấp E, xã L do anh Trần Văn H làm chủ nên biết được anh H để xe nâng hiệu KOMATUS máy dầu, loại 2,5 tấn màu vàng đen tại kho P, buổi sáng tại kho không có người trông coi tài sản nên Võ Đức B nảy sinh ý định sẽ trộm xe nâng trên để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. B chụp lấy hình ảnh xe nâng rồi đăng lên nhóm tên “chuyên mua, bán xe cũ, mới” trên mạng xã hội Facebook để rao bán thì có 01 tài khoản Facebook (không rõ tên nick name) nhắn tin trả lời, thỏa thuận mua xe nâng trên với giá 150.000.000 đồng, B đồng ý và cả hai hẹn giao xe vào khoảng 11 giờ ngày 05/10/2023 tại vòng xoay 25D thuộc Khu công nghiệp N 6 huyện N. Đến gần 11 giờ ngày 05/10/2023, khi đang làm việc tại công ty D thì B leo tường rào để đi đến kho vật liệu xây dựng P, B chui qua lỗ trống phía sau vách tường bằng tôn của kho rồi đi đến vị trí xe nâng đang đậu, B thấy chìa khóa có sẵn trên xe nên đi ra mở cửa cuốn, chạy xe nâng ra ngoài để rồi quay vào đóng cửa cuốn lại. B điều khiển xe nâng đến vòng xoay 25D gặp người đàn ông (không rõ nhân thân) như đã hẹn trước, người này dẫn B đi vào đường số Q, Khu công nghiệp N 6 (sau lưng công ty gạch men T). Tại đây, người này đưa cho B 01 túi nilon màu đen, bên trong có số tiền 150.000.000 đồng. Sau khi lấy được số tiền trên, B đến xã P, huyện T để gặp các chủ nợ (không rõ nhân thân) và trả hết số tiền 150.000.000 đồng vừa chiếm đoạt được.

Đến sáng ngày 06/10/2023, anh Trần Văn H phát hiện sự việc mất trộm nên đến Công an xã L để làm đơn trình báo. Ngày 08/10/2023, nhận thấy hành vi của mình là sai trái, B đã đến Công an xã L để đầu thú.

Ngày 30/10/2023, anh Trần Văn H phát hiện tại xưởng kinh doanh đá nhân tạo tại tổ 20, ấp X, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai do anh Nguyễn Văn M, anh Nguyễn Quốc Q và anh Phùng Văn K làm chủ có 01 xe nâng đặc điểm nhận dạng giống xe nâng anh H bị mất trộm nên trình báo Cơ quan điều tra thu giữ chiếc xe.

Quá trình điều tra xác định B đã bán chiếc xe nâng cho người không rõ nhân thân với giá 150.000.000 đ. Sau đó có 01 người đàn ông (giới thiệu tên là Đinh Mạnh C, sinh năm 1993, trú tại thôn Đ, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình) chở xe đến khu đất trống thuộc xã Đ, huyện T bán xe nâng trên cho anh Phan Quốc H, sinh năm 1985, trú tại 5/1C, khu phố Q, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai với giá 105.000.000đ qua chuyển tiền vào tài khoản là Ngân Xuân H, sinh năm 1971, trú tại ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai (ông H có cửa hàng làm dịch vụ nhận chuyển tiền). Anh H thuê anh Huỳnh Tấn L, sinh năm 1993, trú tại thôn P, xã, huyện T, tỉnh Phú Yên sửa chữa lại xe. Đến ngày 20/10/2023, thông qua sự giới thiệu của anh Nguyễn Văn P anh Nguyễn Văn M, anh Nguyễn Quốc Q và anh Phùng Văn K mua xe nâng trên với giá 165.000.000đ của H (Bút lục 25-51, 55-146).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 195/KL-HĐĐGTS ngày 11/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự huyện N xác định giá trị của xe nâng chạy dầu 2.5 tấn hiệu KOMATUS màu vàng, đen đời 2011, giá trị sử dụng còn lại 40%, trị giá 112.000.000 đồng (bút lục 53-54).

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm truy tố theo Cáo trạng số 103/CT-VKSNT ngày 01/4/2024 và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về hình phạt:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Võ Đức B mức án tù 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù giam.

* Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị Toà tuyên tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu SamSung A6 mà B dùng làm phương tiện liên lạc, mua Bn xe nâng.

* Về trách nhiệm dân sự:

+ Anh Trần Văn H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên không xét đến.

+ Buộc Võ Đức B phải nộp lại số tiền 150.000.000 đồng để trả lại cho anh Phan Quốc Huy.

+ Buộc Phan Quốc H phải trả lại số tiền 165.000.000 đồng cho các anh Nguyễn Văn M, anh Nguyễn Quốc Q và anh Phùng Văn K.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, bị cáo Võ Đức B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với tội danh mà

Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố tại bản Cáo trạng số 103/CT-VKSNT ngày 01/4/2024. Bị cáo không tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện N và nói lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức án cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, tỉnh Đồng Nai, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai, Kiểm sát viên trong giai đoạn điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa bị cáo Võ Đức B đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai người bị hại cùng các tài liệu chứng cứ khác thu thập tại hồ sơ vụ án. Cho thấy: Vào lúc 11 giờ ngày 05/10/2023, Võ Đức B đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 xe nâng chạy dầu 2.5 tấn hiệu KOMATUS màu vàng, đen đời 2011 đã qua sử dụng trị giá là 112.000.000 đồng của anh Trần Văn H, tại ấp E, xã L, huyện N. Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và đã thực hiện hoàn thành hành vi phạm tội nên có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Võ Đức B đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Do đó bản Cáo trạng số 103/CT-VKSNT ngày 01/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo về tội danh và áp dụng điều luật theo quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) là phù hợp, có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về tính chất mức độ của hành vi phạm tội và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tội phạm mà bị cáo Võ Đức B thực hiện là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã gây nguy hiểm cho xã hội, bị cáo vì muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động cực nhọc nên bị cáo đã bất chấp pháp luật, dùng thủ đoạn lén lút, lợi dụng sự sơ hở của bị hại để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo đã cố ý trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội nên cần xét xử nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, cải tạo, giáo dục và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ như đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu, tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại phù hợp với các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật hình sự.

Đối với anh Phan Quốc H đã mua tài sản do đối tượng tên C mang đến bán, tuy nhiên khi mua anh H không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý là có căn cứ.

Đối với người đàn ông chưa rõ nhân thân đã mua xe do B trộm cắp mà có Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau là phù hợp.

Đối với người tên Đinh Mạnh C đã đi xuất khẩu lao động từ tháng 3/2023 nên không có mặt ở địa phương, Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh điều tra làm rõ người đàn ông đã bán xe cho H là có cơ sở.

Đối với ông Ngân Xuân H đã nhận chuyển và rút tiền cho người đàn ông chưa rõ nhân thân, ông H không biết đây là tiền Bn xe trộm mà có nên không xử lý là phù hợp.

Đối với các anh Nguyễn Văn M, anh Nguyễn Quốc Q, anh Phùng Văn K và anh Nguyễn Văn P khi giao dịch mua xe thì không biết xe trên là do trộm cắp mà có nên không xử lý là có căn cứ.

[4] Về biện pháp tư pháp: 01 điện thoại di động hiệu SamSung A6 mà B dùng làm phương tiện liên lạc, mua bán xe nâng cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bị hại Trần Văn H và anh H đã không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xét.

+ Buộc Võ Đức B phải nộp lại số tiền 150.000.000 đồng để trả lại cho anh Phan Quốc Huy.

+ Buộc Phan Quốc H phải trả lại số tiền 165.000.000 đồng cho các anh Nguyễn Văn M, anh Nguyễn Quốc Q và anh Phùng Văn K.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Võ Đức B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 326, 327 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Võ Đức B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

- Xử phạt: **Bị cáo Võ Đức B – 04 (bốn) năm tù giam.** Thời hạn tù tính từ ngày 08 tháng 10 năm 2023.

2. Về biện pháp tư pháp: Tịch thu sung Ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu SamSung A6 mà B dùng làm phương tiện liên lạc, mua Bn xe nâng (Hiện vật chứng, tài sản Chi cục Thi hành án Dân sự huyện N đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản hồi 09 giờ 00 ngày 14/5/2024).

3. Về trách nhiệm dân sự:

+ Buộc Võ Đức B phải nộp lại số tiền 150.000.000 đồng để trả lại cho anh Phan Quốc Huy.

+ Buộc Phan Quốc H phải trả lại số tiền 165.000.000 đồng cho các anh Nguyễn Văn M, anh Nguyễn Quốc Q và anh Phùng Văn K.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Buộc bị cáo Võ Đức B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 7.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án (anh M, anh K, anh Q – Anh M, anh K ủy quyền cho anh Q) và anh Phan Quốc H biết được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- VKS, THA, CAH;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp (Nơi bị cáo đăng ký HKTT);
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dương Hữu Chí